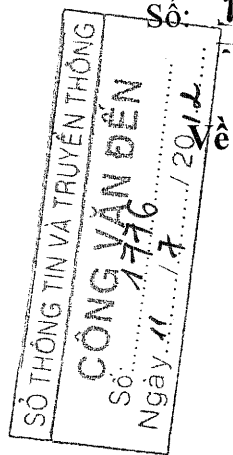


Số: 140/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 7 năm 2012



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy trình lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 11/9/2007 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về phát triển kinh tế biển, vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch sử dụng đất bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11/4/2012, Quy hoạch Tổng thể phát triển Kinh tế biển tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 20/8/2010.

- Quản lý, khai thác, sử dụng đất bãi bồi ven biển chặt chẽ, hợp lý; khảo sát, nghiên cứu điều kiện tự nhiên đất bãi bồi ven biển của từng khu vực làm cơ sở đầu tư, phát triển các ngành nghề phù hợp.

- Kết hợp mục tiêu phát triển kinh tế nói chung và kinh tế vùng ven biển nói riêng với mục tiêu phát triển xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; đồng thời, củng cố, tăng cường an ninh quốc phòng tại các khu vực ven biển.

- Bảo vệ bền vững môi trường, tài nguyên biển (đặc biệt là tài nguyên đất đai).

- Tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên bãi bồi ven biển; công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mặt nước biển cho tổ chức, cá nhân; khắc phục tình trạng sử dụng đất bãi bồi ven biển trái phép, không mang lại hiệu quả kinh tế, ô nhiễm môi trường biển.

2. Mục tiêu quy hoạch

Tạo tiền đề cho việc khuyến khích và huy động các nguồn lực vào phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn từ biển; thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của các địa phương vùng ven biển nói riêng; quản lý có hiệu quả việc đầu tư, khai thác và sử dụng bền vững đất bãi bồi ven biển và tài nguyên biển.

3. Phạm vi quy hoạch

Phát triển mạnh kinh tế biển tại khu vực đất bãi bồi ven biển trên địa bàn huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu với tổng diện tích 52.238 ha (diện tích đất bãi bồi được xác định từ ranh giới đê biển đến ranh giới chân triều kiệt trung bình trong nhiều năm); trong đó, diện tích đất bãi bồi ven biển huyện Cù Lao Dung 16.344,7 ha, huyện Trần Đề 8.393,1 ha và thị xã Vĩnh Châu 27.500,2 ha (hiện trạng phân bố đất bãi bồi ven biển theo Phụ lục 01 đính kèm).

4. Định hướng khai thác, sử dụng đất bãi bồi ven biển

Quy hoạch sử dụng đất bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ưu tiên phát triển các lĩnh vực chế biến nông - lâm - thủy, hải sản; trồng rừng phòng hộ (mở rộng diện tích đến khu vực bãi bồi phía ngoài khu vực rừng thưa, khu vực bị xói lở; ưu tiên thực hiện các dự án trồng rừng tập trung trong phạm vi bãi bồi từ độ sâu -0,5m trở vào); nuôi, trồng thủy sản; du lịch; công nghiệp; quốc phòng; hạ tầng giao thông.

5. Phương án quy hoạch và cơ cấu sử dụng đất bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030

a) Giai đoạn 2010 - 2020

Tổng diện tích đất bãi bồi đưa vào khai thác, sử dụng trong giai đoạn này là 39.748,70 ha. Trong đó:

- Trồng rừng phòng hộ: 13.944,2 ha (kể cả 5.543 ha đất rừng ngập mặn hiện có); đến năm 2020, bề dày rừng phòng hộ đạt tối thiểu 1.000m tính từ chân đê biển trở ra đến bờ biển và trong phạm vi đến độ sâu - 0,5m.

- Nuôi trồng thủy sản: 7.000 ha.

- Du lịch: 1.300 ha.

- Công nghiệp (điện gió): 3.540 ha.

- Quốc phòng: 300 ha.

- Hạ tầng giao thông (cảng, bến cá, luồng giao thông,...): 56,5 ha.

- Mục đích khác: 13.608 ha.

b) Giai đoạn định hướng từ năm 2020 - 2030

Khai thác, sử dụng hết 52.238 ha diện tích đất bãi bồi ven biển hiện có; trong đó:

- Rừng phòng hộ: 20.000 ha.

- Nuôi trồng thủy sản: 9.000 ha.

- Du lịch: 1.800 ha.

- Công nghiệp (điện gió): 7.200 ha.
- Quốc phòng: 500 ha.
- Hạ tầng giao thông (cảng, bến cá, luồng giao thông,...): 130 ha.
- Mục đích khác: 13.608 ha.

c) Các Dự án triển khai trong giai đoạn từ năm 2010 - 2030 (Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm).

6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp chung

- Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về quản lý và sử dụng đất bãi bồi ven biển.

- Các quy hoạch ngành công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, giao thông-vận tải, du lịch,... phải được phân bổ và thực hiện phù hợp với tiềm năng phát triển của từng khu vực nhằm khai thác tối đa lợi thế và tiềm năng của từng khu vực, từng ngành nghề trong vùng; góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu, tích lũy và ổn định nền kinh tế.

- Giao quyền sử dụng đất bãi bồi ven biển cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật nhằm tạo cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân khai thác tốt nhất tiềm năng đất bãi bồi ven biển.

- Rà soát, bổ sung, cụ thể hóa các chính sách nhằm tạo cơ sở pháp lý giúp phát huy mọi nguồn lực; vận động mọi thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển; hiện đại hóa một số ngành kinh tế quan trọng phục vụ khai thác bãi bồi ven biển như: Cảng biển và dịch vụ biển, thủy sản, công nghiệp, du lịch biển,...

- Sử dụng vốn đầu tư đúng và hiệu quả cho công tác điều tra tổng hợp đới bờ nói chung và khu vực bãi bồi ven biển nói riêng.

- Bổ sung và cụ thể hóa các chính sách về nâng cao dân trí, dân sinh và dân chủ.

- Xây dựng chính sách phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, giải quyết có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động dân sinh và kinh tế.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng, tạo sức mạnh tổng hợp phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền trên biển.

b) Các giải pháp cụ thể

- Tổ chức cắm mốc, phân định ranh giới bãi bồi từng huyện, xã, lập hồ sơ địa giới hành chính vùng đất bãi bồi ven biển; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bãi bồi ven biển cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và năng lực khai thác, sử dụng hiệu quả đất bãi bồi ven biển; cấp phép khai thác tài nguyên trên đất bãi bồi ven biển theo quy định của pháp luật.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua các hình thức đào tạo, dạy nghề; đầu tư cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng dạy cho các trung tâm dạy nghề; đẩy mạnh phối hợp, liên kết với các trường đại học, trung tâm đào tạo trong và ngoài tỉnh.

- Khuyến khích việc nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biển, ven biển; tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức quốc tế cho công tác điều tra nghiên cứu, phát triển khoa học -

công nghệ biển và quản lý nguồn lợi thủy - hải sản; tăng cường đào tạo cán bộ chuyên môn cho các ngành khoa học công nghệ biển của tỉnh cũng như của các huyện ven biển; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào phát triển kinh tế biển tại các khu vực bãi bồi ven biển.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; định kỳ rà soát, đề xuất bổ sung, sửa đổi quy hoạch cho phù hợp yêu cầu thực tế.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, bảo đảm phù hợp quy hoạch.

c) Chủ trì, phối hợp các huyện, thị xã ven biển tổ chức cắm mốc, xác định ranh giới khu vực bãi bồi ven biển của từng huyện, thị xã; lập hồ sơ địa chính, phương án giao đất, giao mặt nước bãi bồi ven biển cho các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư, sử dụng.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực đất bãi bồi ven biển.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp, mặt nước ven biển, bãi bồi ven biển đúng quy hoạch.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đất du lịch sinh thái nghỉ dưỡng đúng quy hoạch.

4. Sở Công Thương hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào phát triển công nghiệp đúng quy hoạch.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho việc huy động nguồn lực và thu hút vốn đầu tư vào phát triển kinh tế tại các khu vực đất bãi bồi ven biển.

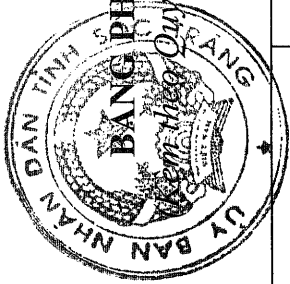
6. Ủy ban nhân dân huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cắm mốc, xác định ranh giới khu vực bãi bồi ven biển của huyện, thị xã; lập hồ sơ địa chính, sơ đồ giải thửa và phương án giao đất, cho thuê đất và quản lý vùng đất bãi bồi ven biển.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Cù Lao Dung, huyện Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: HC, KT, TH, XD.

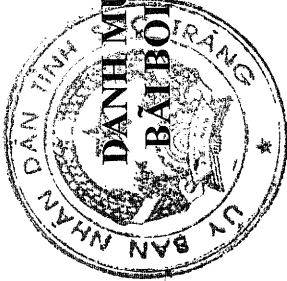




Phụ lục 1

BẢNG PHÂN BỐ DIỆN TÍCH ĐẤT BÃI BỒI VEN BIỂN TỈNH SÓC TRĂNG
 /QĐ-UBND ngày 09 /7/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích phụ trách (ha)						Chiều rộng bãi bồi (m)	Diện tích rừng ngập mặn trồng mới (ha)
		Bãi trước đê	Rừng ngập mặn hiện có	Diện tích bãi bồi đến -1,0m	Diện tích bãi bồi đến -1,5m	Diện tích bãi bồi đến -2,0m	Tổng diện tích đất		
I	Huyện Cù Lao Dung	985	865,7	6.775,5	9.514,1	12.657,4	16.344,7	-	1.944,7
1	Xã An Thạnh 3	68	121,4	634,8	1.157,6	1.889,4	2.320,4	3.284	678,5
2	Xã An Thạnh Nam	917	744,3	6.140,7	8.356,5	10.768	14.024,3	9.641	1.266,2
II	Huyện Trần Đề	533	863,1	5.267,6	3.921,5	5.899,8	8.393,1	-	1.312,1
1	Xã Trung Bình	533	863,1	5.267,6	3.921,5	5.899,8	8.393,1	8.991	1.312,1
III	Thị xã Vĩnh Châu	1.460	3.814,2	15.392,5	18.818	25.021,9	27.500,2	-	4.200,1
1	Xã Vĩnh Hải	800	1.900,5	6.911,7	9.323,3	13.709	15.605,5	17.721	2.021,4
2	Xã Lạc Hòa	120	200,6	1.922,5	2.057,5	2.189,8	2.258,6	3.272	181,8
3	Phường 1	02	66	287,4	387	551,5	587	1.837	208,6
4	Phường 2	152	828,8	2.196,2	2.474,1	2.906,9	3.060,8	6.761	290,6
5	Phường Vĩnh Phước	154	-	1.417,2	1.670	2.018	2.127	6.929	742,7
6	Xã Vĩnh Tân	89	-	808,5	949	1.228	1.298	4.058	435,1
7	Xã Lai Hòa	143	818,3	1.849	1.957,1	2.418,6	2.563,3	6.320	320
	Tổng	2.978	5.543	27.435,6	32.253,6	43.579,1	52.238	-	7.457



Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT BÀI BỜ VEN BIỂN TỈNH SÓC TRĂNG GIAI ĐOẠN 2010-2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 140 / QĐ-UBND ngày 09 /7/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, diện tích	Thời gian	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Cảng nước sâu	Ngoài khơi cách cửa Trần Đề 20 km	20 triệu tấn/năm	2018-2022	15.000
	Giai đoạn 1	Ngoài khơi cách cửa Trần Đề 20 km	15 triệu tấn/năm	2018-2020	11.200
	Giai đoạn 2		- Lên 20 triệu tấn/năm - Diện tích: 5 ha	2021-2022	3.800
2	Mở rộng, nâng cấp cảng Đại Ngãi	Xã Đại Ngãi	- 3 triệu tấn/năm - Diện tích: 3 ha	2011-2015	1.500
3	Cải tạo cảng cá Trần Đề thành cảng tổng hợp	Huyện Trần Đề	- 3 triệu tấn/năm - Diện tích: 3 ha	2011-2015	1.500
4	Xây dựng cảng tàu LASH	Cửa sông Mỹ Thanh			3.750
	Giai đoạn 1 (cho tàu 20.000 DWT)	Cửa sông Mỹ Thanh	2 triệu tấn/năm	2013-2015	1.500
	Giai đoạn 2 (cho tàu 30.000 - 50.000 DWT)		- Lên 5 triệu tấn/năm - Diện tích: 5 ha	2016-2018	2.250
5	Bảo tồn và phát triển của giồng, cá kèo giồng	Huyện Cù Lao Dung	Diện tích: 2.000 ha	2011-2015	100
6	Khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng Cù Lao Dung	Huyện Cù Lao Dung	Diện tích: 500 ha	2011-2013	105
7	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng Hồ Bè	Xã Vĩnh Hải (thị xã Vĩnh Châu)	Diện tích: 400 ha	2012-2014	114

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, diện tích	Thời gian	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)
8	Dự án: Quản lý, bảo vệ tài nguyên nước mặt, nước dưới đất khu ven biển Sóc Trăng nhằm thích ứng với tác động của biến động khí hậu và nước biển dâng	Huyện Long Phú, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu	Diện tích: 1188,2 km ²	2011-2012	20
9	Dự án: Quy hoạch và quản lý sử dụng tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng biển Sóc Trăng đến 2015 và định hướng đến 2020	Huyện Long Phú, Cù Lao Dung, Trần Đề và thị xã Vĩnh Châu	1188,2 km ² (72 km bờ biển)	2010-2013	30
10	Dự án: Bến cá Mỏ Ó	Kênh Sáu Quế 2, huyện Trần Đề	- Quy mô: 40 lượt/ngày; tàu 200 CV - Sản lượng: 5.000 tấn/năm - Diện tích: 2 ha	2013-2015	15
11	Dự án: Bến cá Bãi Giá	Kênh Sáu Quế 2, huyện Trần Đề	- Quy mô: 40 lượt/ngày; tàu 200CV - Sản lượng: 5.000 tấn/năm - Diện tích: 2ha	2013-2015	15
12	Dự án: Bến cá Giồng Chùa	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	- Quy mô: 30 lượt/ngày; tàu 150CV - Sản lượng: 3.000 tấn/năm - Diện tích: 1,5 ha	2013-2015	10
13	Dự án nuôi nghêu vùng bãi bồi Vĩnh Châu				190
	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>Thị xã Vĩnh Châu</i>	<i>Diện tích: 600 ha</i>	<i>2011-2015</i>	<i>40</i>
	<i>Giai đoạn 2</i>		<i>Diện tích: 3.000 ha</i>	<i>2016-2020</i>	<i>150</i>

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô, diện tích	Thời gian	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)
14	Dự án nuôi nghêu thịt và bảo tồn nghề giống Cù Lao Dung	Huyện Cù Lao Dung			130
	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>Huyện Cù Lao Dung</i>	<i>Diện tích: 400 ha</i>	2011-2015	30
	<i>Giai đoạn 2</i>		<i>Diện tích: 1.000 ha</i>	2016-2020	100
15	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2010 - 2020	Huyện Cù Lao Dung, Huyện Trần Đề Thị xã Vĩnh Châu	Diện tích 13.944,2 ha (kể cả 5.543 ha rừng hiện có)	2011-2020	35
16	Dự án phát triển điện gió	03 huyện, thị xã			71.600
	<i>Giai đoạn 1</i>	<i>Huyện Cù Lao Dung</i>	- <i>Quy mô: 180MW</i> - <i>Diện tích: 540 ha</i>	2011-2015	3.600
	<i>Giai đoạn 2</i>	<i>Huyện Trần Đề</i>	- <i>Quy mô: 1.000MW</i> - <i>Diện tích: tăng đến 3.000 ha</i>	2016-2020	20.000
	<i>Giai đoạn 3</i>	<i>Thị xã Vĩnh Châu</i>	- <i>Quy mô: 2400MW</i> - <i>Diện tích: 7.200 ha</i>	2021-2030	48.000
17	Dự án khu du lịch Mỏ Ó	Huyện Trần Đề	Diện tích: 400 ha	2011-2013	80
18	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác bãi bồi ven biển tỉnh Sóc Trăng	Huyện Cù Lao Dung, Huyện Trần Đề, Thị xã Vĩnh Châu	Diện tích: 40 ha	2011-2020	1.000